

Số: 300/TTr-CSCL-VCCB

Hà Nội, ngày 2 tháng 08 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt Tầm nhìn 2020 cho Ngành hàng Cà phê Việt Nam

Kính gửi: Thứ trưởng Lê Quốc Doanh

Trong thời gian qua, Ban điều phối Ngành hàng Cà phê Việt Nam (VCCB) đã phối hợp với Diễn đàn Cà phê Toàn cầu (GCP) và Tổ chức cà phê thế giới (ICO) dự thảo tầm nhìn, mục tiêu và ưu tiên của Ngành hàng Cà phê Việt Nam đến năm 2020. Bản dự thảo đã được trình bày để thu thập ý kiến đóng góp của các bên liên quan tại ***"Hội thảo Tham vấn về Tầm nhìn 2020 cho Ngành hàng Cà phê Việt Nam"*** tổ chức vào ngày 21/07/2016 tại Đắk Lắk.

Văn phòng VCCB đã tổng hợp ý kiến đóng góp, thảo luận để hoàn thiện bản dự thảo "Tầm nhìn Cà phê Việt Nam 2020". Ban điều phối Ngành hàng Cà phê Việt Nam kính trình Thứ trưởng xem xét, phê duyệt "Tầm nhìn Cà phê Việt Nam 2020" để gửi cho GCP trong thời gian sớm nhất. (Bản dự thảo đính kèm)

Kính trình Thứ trưởng xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VCCB.

TM. TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Văn Đức
Phó cục trưởng Cục trồng trọt
Bộ NN&PTNT

TM. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Đỗ Anh Tuấn
Viện trưởng Viện Chính sách
và Chiến lược PTNNNT

TẦM NHÌN CÀ PHÊ VIỆT NAM 2020

Thực trạng ngành cà phê Việt Nam

Trong những thập niên gần đây, ngành cà phê Việt Nam đã phát triển vượt bậc về diện tích, năng suất và sản lượng (năng suất đạt 23,5 tạ/ha cao gấp 2,9 lần năng suất trung bình cà phê thế giới theo FAO, 2011). Từ năm 2000 Việt Nam trở thành quốc gia sản xuất, xuất khẩu cà phê đứng hàng thứ 2 thế giới, chiếm 14% thị phần cà phê nhân xuất khẩu, trong đó đứng số 1 thế giới về sản xuất và xuất khẩu cà phê Robusta. Việt Nam đã xây dựng các vùng chuyên canh cà phê tập trung ở vùng Tây Nguyên, cà phê chè ở Lâm Đồng và miền núi phía Bắc, từng bước xây dựng công nghiệp chế biến cà phê đa dạng phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

Tuy nhiên, ngành cà phê của Việt Nam còn một số tồn tại như tăng trưởng cao nhưng thiếu ổn định và bền vững, luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro trước biến động của điều kiện khí hậu, thời tiết bất thuận và thị trường tiêu thụ chưa ổn định; chất lượng vườn và sản phẩm cà phê còn hạn chế; chi phí sản xuất chưa hợp lý, sản xuất chưa gắn với bảo vệ môi trường do lạm dụng sử dụng phân bón và sử dụng nước tưới chưa hiệu quả, nông - lâm kết hợp trong sản xuất cà phê còn chưa được chú ý đúng mức.

Chuỗi giá trị của ngành hàng từ sản xuất đến thu mua, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm chưa gắn kết chặt chẽ; các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh cà phê bộc lộ nhiều mặt hạn chế. Tỷ lệ diện tích cà phê được cấp chứng nhận tiêu chuẩn và truy xuất nguồn gốc còn chưa cao. Diện tích cà phê của loại hình nông hộ chiếm 90% diện tích toàn ngành, nhiều hộ đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa còn nghèo, điều kiện sản phơi và kho bảo quản cà phê còn thiếu, chưa có điều kiện tiếp cận tiến bộ kỹ thuật. Các doanh nghiệp mới chú ý xuất khẩu cà phê nhân, tỷ lệ cà phê chế biến sâu chiếm khoảng 10% sản lượng cà phê hàng năm. Hệ thống cơ sở chế biến sâu sản phẩm cà phê tiêu dùng chủ yếu là các cơ sở nhỏ, chưa gắn kết với vùng nguyên liệu, chất lượng sản phẩm chưa cao, khó mở rộng thị trường tiêu thụ; các doanh nghiệp thu mua sản phẩm thiếu tính liên kết và chưa có một cơ chế quản lý thống nhất trong thu mua, kinh doanh xuất nhập khẩu cà phê.

Nhìn chung ngành hàng cà phê Việt Nam chưa thật sự chuyển từ sản xuất theo diện rộng sang sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, sử dụng đầu vào hợp lý, có giá trị gia tăng cao và bền vững.

Tầm nhìn 2020: Trở thành quốc gia sản xuất cà phê bền vững, có chất lượng và giá trị cao thuộc nhóm hàng đầu thế giới.

Mục tiêu: Xây dựng ngành cà phê Việt Nam phát triển theo hướng bền vững, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại giá trị gia tăng cao và nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông dân và doanh nghiệp.

Ổn định diện tích trồng cà phê khoảng 600 nghìn ha ở những vùng có điều kiện thuận lợi, đầy đủ nguồn nước. Phấn đấu 85% diện tích cà phê tuân thủ bộ qui tắc chung cho ngành hàng cà phê (Baseline common code), năng suất: 2,4-2,5 tấn/ha, tổng sản lượng khoảng 1,4 triệu tấn/năm; ít

nhất 25% lượng cà phê sản xuất có tỷ lệ hạt lỗi giảm 50% so với hiện tại; giảm phát thải carbon trong quá trình sản xuất, chế biến cho toàn ngành và tăng tiêu thụ cà phê chất lượng cao trong nước lên 15% tổng sản lượng.

Mục tiêu cụ thể:

1. Quản lý rủi ro về chất lượng

1.1. Tăng cường quản lý và hỗ trợ sản xuất cà phê có truy nguyên nguồn gốc- sử dụng hợp lý hóa chất trong sản xuất cà phê:

- 85% diện tích cà phê tuân thủ bộ qui tắc chung cho ngành hàng cà phê, đẩy mạnh công tác quản lý phân bón, đến 2020 đạt mức 70% hộ sản xuất cà phê bón phân hợp lý và tăng tỷ lệ sử dụng phụ phẩm chế biến cà phê để sản xuất phân hữu cơ, vì sinh phục vụ sản xuất cà phê tại nông hộ lên 90%.
- Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng được kiểm soát theo quy định.
- Xây dựng cơ chế hợp tác công tư hỗ trợ việc quản lý và đăng ký các cơ sở phân phối và cung cấp hoá chất nông nghiệp.
- Áp dụng giống chống chịu bệnh hại, cơ cấu giống cà phê phù hợp với yêu cầu thị trường, điều kiện sinh thái và các biện pháp tổng hợp để phòng trừ sâu bệnh hại trên 30 % diện tích cà phê tái canh và ghép cải tạo; người sản xuất được dự báo, tư vấn để cùng tham gia quản lý sâu bệnh hại trên cà phê một cách hiệu quả dựa trên quy trình IPM; thúc đẩy hợp tác công tư hình thành tổ chức dịch vụ bảo vệ thực vật tại cơ sở (như các tổ nhóm nông nghiệp) để tư vấn giúp nông dân bảo vệ cây trồng, bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn thực phẩm.
- Sản xuất cây giống cà phê đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành.
- Hệ thống thu gom và xử lý chai lọ, bao bì hóa chất nông nghiệp tại khu vực sản xuất cà phê được đưa vào thử nghiệm tại các vùng trồng cà phê chính.

1.2 Quản lý chất lượng trong và sau thu hoạch:

- Tăng tỷ lệ cà phê hái chín lên 50 – 60 % số hộ thu hái cà phê có tỷ lệ quả chín trên 70%.
- Đảm bảo 100% sản lượng cà phê được phơi sấy đạt tiêu chuẩn, 100% cơ sở chế biến cà phê nhân xuất khẩu áp dụng quy chuẩn quốc gia, giảm lượng hạt lỗi do thu hoạch và sau thu hoạch từ 10-15% xuống còn 5-7%.
- Tăng tỷ lệ cà phê chế biến ướt lên 20 - 30%

2. Quản lý rủi ro về môi trường

2.1. Quản lý sử dụng nước bền vững:

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn nước tưới bao gồm cả nước mặt và nước ngầm, hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm thông qua khuyến khích áp dụng các giải pháp giữ nước bề mặt và duy trì bổ sung nguồn nước ngầm, tăng cường liên kết sản xuất và mở rộng quy mô.

- Hoàn thiện và từng bước ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm chuẩn và mở rộng phạm vi áp dụng công nghệ tưới trên diện tích cà phê: đến năm 2020, 30% số hộ sản xuất cà phê áp dụng các biện pháp tưới nước tiết kiệm, khoảng 90.000 ha áp dụng phương pháp tưới tiết kiệm trên tổng số 380.000 ha sử dụng nước ngầm, tiết kiệm 20 - 30% lượng nước tưới.
- Đẩy mạnh nhân rộng mô hình hồ nước cộng đồng phục vụ sản xuất cà phê ở các tỉnh Tây Nguyên.
- Phát triển các mô hình đầu tư có sự tham gia giữa Nhà nước và tư nhân (PPP) trong thủy lợi phục vụ tưới cho cà phê.

2.2. Nông lâm kết hợp và quy hoạch cảnh quan vườn cà phê:

- Thử nghiệm quy hoạch sản xuất cà phê theo hướng cảnh quan bền vững, thích hợp với điều kiện tự nhiên, nhất là nguồn nước tưới và không xâm lấn rừng, đảm bảo hiệu quả và phát triển bền vững.
- Các mô hình cảnh quan vườn cà phê được xây dựng và mở rộng: phần đầu 40% diện tích cà phê Tây Nguyên áp dụng các mô hình nông- lâm kết hợp nhằm tăng hiệu quả, đa dạng hóa thu nhập
- Giám phát thải carbon cho toàn ngành
- Quản lý và có biện pháp hạn chế tối đa việc chặt phá rừng để trồng cà phê.

3. Quản lý rủi ro về thị trường:

3.1. Phát triển thị trường:

- Tăng cường quản lý chất lượng, chỉ dẫn địa lý nhằm bảo hộ một số thuộc tính chất lượng của cà phê, sản phẩm đặc sản.
- Tăng tỷ lệ tiêu thụ cà phê chất lượng cao nội địa lên 15%.
- Phát triển hệ thống phân phối cà phê rang xay cấp 2 - 3 trên thị trường quốc tế, tăng tỷ lệ cà phê chế biến sâu trong xuất khẩu lên 20%.
- Hoàn thiện thông tin ngành hàng cà phê, chiến lược cho marketing cà phê Việt Nam.

3.2. Tổ chức sản xuất và thị trường:

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cà phê theo hướng quy mô trang trại, câu lạc bộ, hợp tác xã và hiện đại hóa từng bước trong quá trình sản xuất.
- Xây dựng và thử nghiệm cơ chế tự do chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hỗ trợ quá trình tích tụ ruộng đất.
- Phát triển chuỗi giá trị ngành hàng cà phê với sự tham gia của các tổ chức nông dân, hệ thống cung cấp dịch vụ đầu vào, dịch vụ sau thu hoạch và tạm trữ sau thu hoạch và dịch vụ tìm đối tác thị trường tiêu thụ. Khuyến khích thành lập các hình thức liên kết để xây dựng cánh đồng mẫu lớn trong sản xuất cà phê.

- Thử nghiệm và hoàn thiện chương trình tín dụng và khuyến khích bảo hiểm cà phê theo chuỗi.
- Sinh kế bền vững cho người trồng cà phê, đặc biệt là những hộ quy mô nhỏ và nông dân chuyển từ canh tác cà phê sang các loại cây trồng khác.

Các chính sách, chương trình, dự án hiện nay thực hiện các nhiệm vụ trên:

1. Quản lý rủi ro về chất lượng cà phê:

1.1 Quản lý sử dụng hợp lý hóa chất trong sản xuất cà phê

- Áp dụng quy trình sản xuất bền vững: đã xây dựng bộ tài liệu sản xuất cà phê quốc gia, dự kiến phổ biến đến khoảng 150.000 nông dân
- Về quản lý phân hóa học: áp dụng chế độ bón phân hóa học cân đối, hợp lý trên cơ sở độ phì nhiêu của đất. Từng bước xây dựng bản đồ quản lý dinh dưỡng cho cây cà phê tại các vùng trồng cà phê chính của Việt Nam. Tiếp tục hoàn thiện và thử nghiệm mô hình sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm kết hợp bón phân cho cà phê trên quy mô nông hộ.
- Hướng dẫn thực hiện quy trình tái canh cà phê; xây dựng tiêu chuẩn giống cây cà phê.

1.2 Quản lý chất lượng trong và sau thu hoạch

- Thử nghiệm đầu tư với hộ nông dân để giảm tổn thất sau thu hoạch.
- Xây dựng chính sách quản lý chất lượng sản phẩm cà phê Việt Nam theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Quản lý rủi ro về môi trường

2.1 Quản lý sử dụng nước

- Bắt đầu thử nghiệm 10 mô hình áp dụng các giải pháp giữ nước bề mặt.
- Thử nghiệm một số công nghệ tưới tiết kiệm, tuy nhiên, chưa tổng kết và chưa chứng minh được hiệu quả.
- Đã có kế hoạch nghiên cứu và xây dựng thêm các hồ chứa nước cho khu vực Tây Nguyên.

2.2 Nông lâm kết hợp và quy hoạch cảnh quan vườn cà phê

- Thử nghiệm mô hình nông lâm kết hợp cho khoảng 200 ha tại tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng.
- Nghiên cứu hiệu quả kinh tế của các loại cây trồng khác nhau trồng xen với cây cà phê.
- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật và sinh kế cho người sản xuất có diện tích cà phê nằm ngoài quy hoạch trên loại đất không thích hợp (tầng đất mỏng, đất dốc, không có nguồn nước tưới ...) chuyển sang cây trồng khác hiệu quả hơn.

3. Quản lý rủi ro về thị trường:

3.1. Phát triển thị trường

- Đã hình thành hệ thống cà phê có chứng nhận, ứng dụng thử nghiệm sở tay nông hộ cà phê, một số phần mềm ứng dụng giúp nông dân quản lý vườn cà phê và cập nhập thông tin thị trường

3.2. Tổ chức sản xuất và thị trường

- Đã thử nghiệm mô hình và chính sách tăng quy mô nông hộ, hình thành cánh đồng mẫu lớn cho ngành hàng và địa phương khác, nhưng chưa chứng minh được khả năng nhân rộng và chưa thử nghiệm cho ngành hàng cà phê.
- Thử nghiệm tăng cường năng lực cho thanh thiếu niên tham gia lập nghiệp sản xuất cà phê. Thử nghiệm mô hình hợp tác sản xuất, nhưng mô hình hợp tác xã vẫn chưa chứng minh được hiệu quả và chưa được duy trì bền vững.
- Thử nghiệm bảo hiểm nông nghiệp cho cây cà phê nhưng còn gặp nhiều khó khăn và chưa phù hợp với ngành.

4. Xây dựng cơ chế quản trị công tư cho ngành hàng cà phê

- Xây dựng Ban điều phối ngành hàng cà phê Việt Nam với các đại diện từ khối công và khối tư.
- Xây dựng hiệp hội người sản xuất cà phê tỉnh Lâm Đồng và 2 huyện Đắc Lắc.

Giải pháp ưu tiên đề nghị GCP hỗ trợ:

1. Giải pháp nâng cao quản lý chất lượng cà phê:

1.1 Hỗ trợ quản lý sử dụng hợp lý hóa chất trong sản xuất cà phê:

- *Hỗ trợ cập nhật*, chuyển giao, đào tạo về các giải pháp quản lý sử dụng hóa chất phục vụ sản xuất cà phê bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao việc tạo nguồn phân hữu cơ cho sản xuất cà phê, tập trung xác định kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ hiệu quả.
- Thúc đẩy hợp tác công – tư để phát triển mạng lưới dịch vụ bảo vệ thực vật cơ sở để bảo vệ cây trồng, bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn thực phẩm.
- Tăng cường quản lý các cơ sở cung cấp hoá chất nông nghiệp.
- Nghiên cứu và thử nghiệm hệ thống thu gom và xử lý chai lọ, bao bì hóa chất nông nghiệp tại khu vực sản xuất cà phê.

1.2 Hỗ trợ quản lý chất lượng trong và sau thu hoạch:

- Nghiên cứu chuyển giao ứng dụng các giống cà phê mới đã được công nhận có năng suất, chất lượng cao, trong đó có giống chịu hạn, kháng bệnh, đáp ứng yêu cầu thị trường
- Phát triển chương trình cho thuê tài chính (financial lease) để đầu tư cho nhóm nông hộ nâng cấp phương tiện phơi sấy đạt chuẩn cho nông hộ, xây dựng nhà máy chế biến cà phê nhân đạt chuẩn làm dịch vụ phơi sấy cho dân trong vùng sản xuất.

2. Giải pháp giảm thiểu rủi ro về môi trường

2.1 Hỗ trợ quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước:

- Hỗ trợ triển khai trồng thử nghiệm giống cà phê chín muộn rải vụ để tiết kiệm nước.
- Nghiên cứu nhân rộng mô hình trữ nước tạo nguồn, hỗ trợ xây dựng chính sách khuyến khích cộng đồng, công tư đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, các hồ cộng đồng phục vụ sản xuất cà phê.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm chuẩn và mở rộng phạm vi áp dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm trên diện rộng trong sản xuất cà phê; ứng dụng kỹ thuật bón phân qua hệ thống tưới.
- Xây dựng sổ tay hướng dẫn kỹ thuật tưới tiết kiệm và tạo nguồn trữ nước và lồng ghép thông tin phù hợp vào bộ tài liệu NSC

2.2 Hỗ trợ các ứng dụng mô hình canh quan vườn cà phê

- Xây dựng hệ thống phát hiện hành vi chặt phá rừng để sản xuất cà phê nhằm đưa ra hành động kịp thời từ cả khối công và khối tư.
- Hỗ trợ rà soát quy hoạch sản xuất cà phê theo hướng canh quan bền vững, thích hợp với điều kiện tự nhiên, nhất là nguồn nước tưới và không xâm lấn rừng, phù hợp với thị trường tiêu thụ, đảm bảo hiệu quả và phát triển bền vững cho giai đoạn 2020-2030

3. Giải pháp hỗ trợ quản lý rủi ro về thị trường:

3.1. Hỗ trợ phát triển thị trường cà phê:

- Xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước thông qua việc tăng tỷ lệ chế biến sâu, nâng cao chất lượng, thiết kế sản phẩm, thông tin thị trường và tiếp thị sản phẩm.
- Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin ngành hàng cà phê cập nhật về các yếu tố đầu vào, đầu ra, thực hành sản xuất, thị trường cà phê trong nước và thế giới, kênh tiêu thụ, dự báo, nối kết bộ ngành và địa phương, kết nối với tổ chức cà phê thế giới và các diễn đàn cà phê quốc tế khác.

3.2. Hỗ trợ hoàn thiện tổ chức sản xuất và thị trường cà phê

- Hỗ trợ mô hình liên kết sản xuất cà phê theo tổ nhóm, theo chuỗi, mô hình cánh đồng mẫu lớn trong sản xuất cà phê.
- Xây dựng nhóm thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp trong khuôn khổ hoạt động của Ban điều phối ngành hàng cà phê và đồng hỗ trợ cho một số doanh nghiệp khởi nghiệp.
- Nghiên cứu giải pháp hỗ trợ sinh kế bền vững cho người trồng cà phê, đặc biệt là những hộ quy mô nhỏ để chuyển đổi cây trồng hoặc trồng xen cây khác để đa dạng hóa, tăng thu nhập.

4. Giải pháp nhằm tăng cường cơ chế quản trị công tư cho ngành hàng cà phê:

- Tiếp tục hỗ trợ hoạt động của VCCB trở thành một đầu mối có cơ chế hoạt động hiệu quả để điều phối ngành hàng, kết nối các nhóm tác nhân trong nước.
- Hỗ trợ thành viên của VCCB tham gia tích cực và hiệu quả vào các diễn đàn cà phê toàn cầu như GCP, ICO.
- Hỗ trợ VCCB để phối hợp tổ chức các nghiên cứu cơ bản trong ngành cà phê, phát triển các mục tiêu cụ thể và thiết thực.
- Hỗ trợ VCCB trong quá trình tham vấn, phản biện, xây dựng và triển khai chính sách, chương trình, quy hoạch.
- Hỗ trợ VCCB trong việc quản lý thông tin ngành hàng cà phê cho các bên liên quan.